

Bản án số: 1891/2023/DS-ST

Ngày: 15/6/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Cẩm Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 536/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1894/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2593/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố H.

2. *Bị đơn:*

Bà Đặng Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 12, khu phố 1, phường T, thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày: Ông Đoàn Văn Đ và vợ chồng bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn D là bạn bè đã quen biết nhau từ lâu. Vào ngày 02/3/2009, bà L và ông D có vay của ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/3/2009. Khoản vay này có lập thành văn bản với tiêu đề “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/3/2009. Khi hết hạn vay ông Đ vẫn tạo điều kiện cho vay mà không đòi lại vốn, đến năm 2012 thì vợ chồng bà L, ông D mới chỉ

thanh toán được cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Do số tiền nợ gốc còn lại là 950.000.000 đồng nên vào ngày 02/01/2012 ông Đ và bà L thống nhất lập lại giấy vay đối với số tiền này có tiêu đề “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay”. Đồng thời, hai bên thỏa thuận lại lãi suất cho vay là 2,0%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/01/2012.

Vào ngày 02/01/2013, một mình bà Đặng Thị L tìm đến hỏi vay ông Đ số tiền 1.150.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân. Do trước đó vợ chồng bà L vẫn thanh toán đầy đủ tiền lãi khoản vay cũ nên ông Đ đã tin tưởng và đồng ý cho bà L vay tiền, các bên có lập giấy vay đối với số tiền này với tiêu đề “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2013, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/01/2013.

Tuy nhiên, kể từ ngày 02/01/2013 đến nay, vợ chồng bà L, ông D không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho ông Đ. Ông Đ cũng đã nhiều lần tìm kiếm bà L và ông D để yêu cầu trả nợ nhưng không thành.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D. Ông Đ yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông D phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền vay là 950.000.000 đồng theo “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2012; yêu cầu buộc bà L chịu trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền vay là 1.150.000.000 đồng theo “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2013. Ông Đ xác nhận đối với khoản vay ngày 02/01/2013 chỉ có mình bà L đến vay nên ông Đ chỉ yêu cầu mình bà L có trách nhiệm trả. Ông Đ không yêu cầu bà L, ông D phải trả tiền lãi phát sinh đối với các khoản vay nêu trên.

Trên tất các giấy vay tiền đều có nội dung bà L, ông D đồng ý thế chấp căn nhà phường T thành phố T cho ông Đ. Tuy nhiên, hai bên chỉ thỏa thuận trên giấy tờ, còn trên thực tế hai bên không ký kết hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm. Vợ chồng bà L, ông D vẫn đang quản lý, sử dụng căn nhà; ông Đ cũng không giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà nêu trên. Do đó, ông Đ không yêu cầu giải quyết vấn đề thế chấp trong vụ án này.

Bị đơn bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà L và ông D đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L và ông D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông Đoàn Văn Đ có đơn xin vắng mặt.

Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà L và ông D có trách nhiệm trả các khoản vay, cụ thể:

- Khoản vay 950.000.000 đồng theo “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2012 buộc ông D và bà L liên đới chịu trách nhiệm cùng trả;

- Khoản vay 1.150.000.000 đồng theo “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2013, ông Đ xác định cho mình bà L vay và chỉ yêu cầu mình bà L chịu trách nhiệm trả nên đề nghị buộc bà L chịu trách nhiệm trả cho ông Đ.

Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu bà L, ông D phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Văn Đ nộp đơn khởi kiện bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D yêu cầu thanh toán khoản nợ còn thiếu theo các “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2012 và 02/01/2013; Bà L và ông D có nơi cư trú tại phường T, thành phố T, Thành phố H. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ có đơn xin vắng mặt, các bị đơn bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà L và ông D.

Ông Đoàn Văn Đ có vợ hợp pháp là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 theo Giấy Công nhận kết hôn số 39, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường

17, Quận 1, Thành phố H cấp ngày 06/6/1984. Bà P có văn bản gửi đến Tòa án trình bày khoản tiền mà ông Đ cho vợ chồng bà L, ông D vay đang khởi kiện tại Tòa án là tài sản riêng của chồng bà (ông Đoàn Văn Đ) nên ông Đ được toàn quyền định đoạt đối với số tiền đó và bà P không có ý kiến gì. Đồng thời, bà P yêu cầu Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy bà P đã xác nhận khoản tiền ông Đ cho bà L, ông D vay là tài sản riêng của ông Đ, bà P không liên quan đến số tiền này. Do đó, không cần thiết phải đưa bà Nguyễn Thị H tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị L có vay của ông Đoàn Văn Đ số tiền 950.000.000 đồng, đây là khoản vay có nguồn gốc từ khoản vay 1.000.000.000 đồng theo “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/3/2009, với mức lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/3/2009. Đến năm 2012 thì vợ chồng bà L, ông D mới chỉ thanh toán được cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ gốc nên hai bên đã lập lại giấy vay vào ngày 02/02/2012 có tiêu đề “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay”. Tại giấy vay tiền này bà L và ông Đ cùng ký tên, bà L xác nhận khoản tiền vay là 950.000.000 đồng, đồng thời hai bên thỏa thuận lại lãi suất cho vay là 2,0%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/01/2012. Đến nay, ông D và bà L vẫn không trả nợ cho ông Đ nên ông Đ yêu cầu buộc ông D và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ toàn bộ số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2013, bà L có vay ông Đ số tiền 1.150.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân, ông Đ và bà L có lập giấy vay có tiêu đề “Hợp đồng thế chấp nhà để vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay” đề ngày 02/01/2013, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/01/2013, đến nay bà L không trả nợ cho ông Đ. Đối với khoản vay này, ông Đ xác nhận chỉ cho bà L vay riêng, không liên quan đến ông D, ông Đ yêu cầu buộc mình bà L có trách nhiệm trả cho ông Đ.

Việc giao kết giữa ông Đ và bà L, ông D đều được thành văn bản, nội dung thỏa thuận đã thể hiện rõ số tiền vay, mức lãi suất và thời hạn vay phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông D và bà L không thể hiện đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ và yêu cầu của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Đ xác nhận không yêu cầu bà L, ông D phải trả tiền lãi phát sinh đối với các khoản vay nên ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt triệu tập bà L và ông D thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án cung cấp lời khai cũng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải nhưng bà L và ông D đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L và ông D nên không có cơ sở xem xét.

Trên các giấy vay tiền có nội dung bà L, ông D đồng ý thế chấp căn nhà phường T, thành phố T) cho ông Đ. Tuy nhiên, ông Đ xác nhận trên thực tế hai bên không ký kết hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm; Vợ chồng bà L, ông D vẫn đang quản lý, sử dụng căn nhà; Ông Đ không giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với căn nhà nêu trên và cũng không yêu cầu giải quyết việc thế chấp trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả 950.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn Đ là $36.000.000 + 3\%(950.000.000 - 800.000.000) = 40.500.000$ đồng.

- Bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả 1.150.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn Đ là $36.000.000 + 3\%(1.150.000.000 - 800.000.000) = 46.500.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D.

- Buộc bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền vay là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà Đặng Thị L trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỉ một trăm năm mươi triệu đồng).

- Ghi nhận ông Đoàn Văn Đ tự nguyện không yêu cầu bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D phải trả tiền lãi phát sinh đối với 02 khoản tiền trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị L và ông Nguyễn Văn D liên đới trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bà Đặng Thị L nộp án phí dân sự sơ thẩm là 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.H;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Cẩm Hiền